TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ	*Lâm Bình, ngày 11 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: anh **Quan Văn T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị **Quan Thị N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: anh Quan Văn T, sinh năm 1991

Bị đơn: chị Quan Thị N, sinh năm 1990

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Quan Văn T và chị Quan Thị N thỏa thuận thống nhất giao cháu Quan Phương U, sinh ngày 30/11/2012 cho chị Quan Thị N trực tiếp nuôi

dưỡng, hiện cháu U đang ở cùng chị N. Anh T nhận cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/01 tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2019, cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Quan Văn T và chị Quan Thị N xác định tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn anh Quan Văn T nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0006174 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang,
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã N (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phúc An Hoành

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2019/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: chị Chúc Thị Hương, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã Lăng Can, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Hoàng Thừa Hướng, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã Lăng Can, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

2. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: chị Chúc Thị Hương, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã Lăng Can, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Hoàng Thừa Hướng, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã Lăng Can, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: chị Chúc Thị Hương và anh Hoàng Thừa Hướng thỏa thuận thống nhất giao cháu Hoàng Thiên Lộc, sinh ngày 13/11/2013 cho anh Hoàng Thừa Hướng trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Lộc đang ở cùng anh Hướng; giao cháu Hoàng Ngọc Vân, sinh ngày 10/01/2015 cho chị Chúc Thị Hương trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Vân đang ở cùng anh Hướng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh Hướng, chị Hương được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Chúc Thị Hương và anh Hoàng Thừa Hướng xác định tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Chúc Thị Hương nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Chúc Thị Hương đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0006166 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, hoàn trả cho chị Chúc Thị Hương số tiền chênh lệch còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang,
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã Lăng Can (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phúc An Hoành